

TÀI LIỆU LỊCH SỬ CHỨNG MINH CÁC QUẦN ĐẢO Ở BIỂN NAM TRUNG HOA CHƯA BAO GIỜ LÀ LÃNH THỔ TRUNG QUỐC

Phạm Hân

Để biện minh cho yêu sách về lãnh thổ của Trung Quốc đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa (tức biển Đông) thường được gọi là “các đảo Hải Nam”, từ năm 1975 các học giả Trung Quốc đã tìm tòi, lượm lặt những chi tiết liên quan đến biển Nam Trung Hoa trong kho sách cổ Trung Quốc để tạo dựng luận thuyết nói rằng “*các đảo Nam Hải từ xưa đến nay là lãnh thổ Trung Quốc*” do nhân dân Trung Quốc “phát hiện và đặt tên sớm nhất” “khai phá và kinh doanh sớm nhất”, do Chính phủ Trung Quốc “*quản hạt và hành sử chủ quyền sớm nhất*”¹. Hàng loạt sách cổ và bản đồ cổ đã được viện dẫn để làm chỗ dựa cho luận thuyết nói trên.

Song, sự thật hoàn toàn không phải như thế. Hàng trăm sách và bản đồ Trung Quốc cho đến cuối đời Thanh (1911) người ta có thể tìm thấy trong cơ quan lưu trữ ở Hà Nội và ở nước ngoài (Phụ lục I) chứng minh các quần đảo ở Biển Nam Trung Hoa chưa bao giờ là lãnh thổ Trung Quốc. Từ những tài liệu lịch sử đó thấy rõ những “bằng chứng” các học giả Trung Quốc đưa ra nhằm làm chỗ dựa cho “luận thuyết” của mình là không đúng sự thật. Vì vậy, bài viết này muốn đưa ra công luận sự thật lịch sử nói trên.

Về luận thuyết “*phát hiện sớm nhất*”, “*đặt tên sớm nhất*”, “*khai thác kinh doanh sớm nhất*” dù có đúng sự thật cũng sẽ vô nghĩa, nếu như nhà nước Trung Quốc không thực hiện chủ quyền đối với các quần đảo ở vùng biển này. Vì vậy, bài viết chỉ đi sâu phân tích những tài liệu đã được viện dẫn để nói rằng chính phủ Trung Quốc đã “*quản hạt và hành sử chủ quyền sớm nhất*” đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa.

Để chứng minh nhà nước Trung Quốc đã “*quản hạt và hành sử chủ quyền sớm nhất*” đối với các quần đảo ở Biển Nam Trung Hoa, các học giả Trung Quốc đã đưa ra các “bằng chứng” sau đây:

- Các đảo Nam Hải đã được “sát nhập” vào đảo Hải Nam năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường (789);
- Chính phủ Trung Quốc đã sai thủy quân đi “tuần tiễu” các đảo Nam Hải;

¹ Sử Lệ Tổ “*Các đảo Nam Hải từ xưa đến nay là lãnh thổ Trung Quốc*” *Quang Minh nhật báo*, 24/11/1975; Trương Hồng Tăng, “*Xem xét chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Tây Sa và quần đảo Nam Sa từ góc độ Luật pháp quốc tế*”, tạp chí Hồng Kỳ số 4/1980; Hàn Chân Hoa, Lâm Kim Chi, Ngô Phượng Ân, “*Hội biên sử liệu các đảo Nam Hải nước ta*”, xuất bản tại Bắc Kinh, 1988; Phan Thạch Anh, “*Quần đảo Nam Sa thuộc lãnh thổ Trung Quốc-căn cứ lịch sử ngược dòng 2000 năm*”, tạp chí *Window* (HongKong), 3/9/1993.

- Nhà Nguyên đã sai nhà thiên văn Quách Thủ Kính đến quần đảo “Tây Sa” đo đạc thiên văn.

- Chính phủ Trung Quốc kháng nghị, buộc người Đức ngừng việc quan trắc các đảo Nam Hải 1883;

- Chính quyền địa phương Trung Quốc thực hiện nghĩa vụ cứu giúp tàu thuyền nước ngoài lâm nạn ở vùng biển “Tây Sa”;

- Các đảo Nam Hải đã được vẽ vào bản đồ Trung Quốc.

Sau đây là sự thật về những tài liệu gọi là bằng chứng để làm chỗ dựa cho luận thuyết chính phủ Trung Quốc “*đã quản hạt và hành sử chủ quyền sớm nhất*” đối với các đảo Nam Hải nói trên.

Trước hết, về việc “sát nhập” các đảo Nam Hải và đảo Hải Nam năm 789

Các học giả Trung Quốc viện dẫn đoạn viết về lịch sử và địa lý đảo “Hải Nam” trong *Chư Phiên Chí* của Triệu Nhữ Quát đời Tống để chứng minh cho luận cứ này.

Trong *Hội biên sử liệu các đảo Nam Hải nước ta (1988)*, các tác giả trích dẫn đoạn văn liên quan trong *Chư Phiên Chí* để nói rằng “*Các đảo nam Hải từ năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường (789) đã thuộc phạm vi quản hạt của Trung Quốc*” (Trang 33).

Trong bài viết đăng trên tạp chí Window (HongKong) ngày 3/9/1993, tác giả đăng nguyên văn *Chư Phiên Chí* và quả quyết rằng: “*Năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên, quần đảo Nam Sa đã được đặt dưới sự quản hạt của phủ Quỳnh Châu*”. Vậy tác giả *Chư Phiên Chí* viết như thế nào mà các học giả Trung Quốc ngày nay lại khẳng định như thế?

Chư Phiên Chí là cuốn sách viết về nước ngoài. Cuốn sách, tác giả có chép về đảo Hải Nam. Mở đầu mục này, tác giả viết: “*Hải Nam là Châu Nhai, Đả Nhĩ nhà Hán. Vũ Đế (140-87 TCN) bình Nam Việt sai sứ từ Từ Văn vượt biển lấy đất đặt hai quận Châu Nhai, Đả Nhĩ. Nguyên Đế (48-33 TCN) theo lời bàn của Giả Quyên bỏ Châu Nhai. Đời Lương (502-557), Tùy (581-618) lại đặt như cũ. Nhà Đường, năm đầu niên hiệu Trung Quán (627) tách làm 3 châu Nhai, Đả, Chấn thuộc Lĩnh Nam Đạo. Năm thứ 5 tách (huyện) Quỳnh Sơn của Nhai (Châu) đặt thành quận, nâng huyện Vạn An làm châu, nay là Vạn An Quân, Đả, Chấn nay là Cát Dương quân, Xương Hoá quân. Năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên (789) lấy Quỳnh (Sơn) làm Phủ đô đốc. Nay theo như thế. Từ Văn có Đế Giác Trường, đối với Quỳnh (Hải Nam) cách nhau chừng hơn 360 dặm, thuận gió nửa ngày thì đến. Dòng giữa gọi là Tam Hợp Lưu (dòng nước xoáy đến từ 3 ngã) đến đây không sóng gió người đi thuyền gio tay chúc mừng nhau. Đến Cát Dương vẫn là Biển, đất cát chẳng còn. Bên ngoài có Châu (đảo) gọi là U-ri,*

là *Su-ji-liang*². Phía Nam đối diện với Chiêm Thành, phía Tây trông về Chân Lạp, phía Đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn lý Thạch Đường, mênh mông không bờ bến, trời nước một màu, người đi thuyền qua lại chỉ lấy kim la bàn làm chuẩn, ngày đêm trông coi cẩn thận, sai sót tí chút sóng chết kề bên. Bốn quận gồm 11 huyện thuộc Quảng Nam Tây Lộ” (tờ 15b-16a).

Qua đoạn văn trích dẫn trên người ta thấy tác giả viết hai ý khác nhau. Đoạn đầu, tác giả tóm lược lịch sử đảo Hải Nam. Đoạn tiếp theo tác giả mô tả vị trí địa lý đảo này. Ở đoạn viết về lịch sử, tác giả nói đến việc Quỳnh Châu³ được đặt làm “Phủ đô đốc” vào năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường (789). Ở đoạn viết về vị trí đảo Hải Nam, tác giả cho biết phía Đông Hải Nam là “Thiên lý Trường Sa, Vạn lý Thạch Đường”.

Sự thật về sự kiện năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên (789) đời Đường là như vậy. Sự kiện xảy ra ở đảo Hải Nam năm 789, sử sách Trung Quốc chép rành rọt năm đó, đô đốc nhà Đường là Lý Phục cho quân từ đại lục sang lấy lại đảo Hải Nam sau hơn 100 năm dân bản địa nổi dậy làm chủ đảo, không hề có sự sát nhập các đảo Nam Hải và đảo Hải Nam⁴. Việc Quỳnh Châu được đặt làm “Phủ đô đốc” năm 789 với “Thiên lý Trường Sa, Vạn lý Thạch Đường” nằm ở phía đông Hải Nam là hai ý khác hẳn nhau, sao có thể gộp lại để tạo ra một ý mới là các đảo Nam Hải được “sát nhập” vào Hải Nam năm 789?

Hai là, về việc phái thủy quân đi “tuần tiễu” các đảo Nam Hải

Các học giả Trung Quốc dẫn ba sự kiện để chứng minh. Đó là việc triều đình Bắc Tống “đặt dinh lũy thủy quân tuần biển” ở Quảng Châu; chép trong *Vũ Kinh tổng yếu*; việc viên tướng nhà Nguyên đi qua “Thất Châu Dương, Vạn lý Thạch Đường” trên đường đi đánh Gia-Va năm 1293 chép trong *Nguyên Sử*; việc viên phó tướng Quảng Đông Ngô Thăng đi tuần ở Hải Nam năm 1710-1712 chép trong *Tuyên Châu phủ chí*.

Sự thật về ba sự kiện đó như sau:

- Về sự kiện triều đình Bắc Tống “đặt dinh lũy thủy quân tuần biển”, *Vũ Kinh tổng yếu* chép rằng, quân Nam Hải (thuộc Quảng Đông ngày nay) là đất Bách Việt xưa, đời Hán chia làm quận huyện, đời Tống thành nơi đô hội, có mối lợi về buôn bán với nước ngoài, người Phiên người Hán ở lẫn lộn, “sai quân nhà vua đến trấn giữ, đặt dinh lũy thủy quân tuần biển” ở cửa biển sau này.

Sau khi mô tả vị trí nơi đặt dinh lũy thủy quân, tác giả *Vũ Kinh tổng yếu* chép lộ trình đường biển từ cửa biển Quảng Châu sang Ấn Độ Dương:

² Địa danh này ngờ là chỉ đảo Boóc-nê-ô hoặc đảo Gia-Va ngày nay.

³ Quỳnh Châu một trong bốn châu nhà Đường đặt ở đảo Hải Nam, “Quỳnh Châu” ở phía Bắc. “Nhai Châu” ở phía Đông, “Đàm Châu” ở phía Tây, “Chấn Châu” ở phía Nam. Chỉ đến đầu đời Minh (thế kỷ 15) đảo Hải Nam mới được đặt Quy chế một phủ, gọi là “Phủ Quỳnh Châu”.

⁴ Đường Thư, quyển 7, tờ 7a; *Thái Bình hoàn vũ ký* (Tống), quyển 169, tờ 11a-11b; *Dư địa kỷ thắng* (1221), quyển 124, tờ 2b; Quảng Đông Thông chí (1731), quyển 5, tờ 74a-75a.

“*Từ đồn Môn Sơn dùng gió Đông đi về phía Tây nam 7 ngày đến Cửu Nhữ Loa Châu, đi ba ngày nữa đến Bất Lao Sơn (Tác giả chú thích: “Thuộc nước Hoàn Châu”, nay là Cù Lao Chàm), lại đi ba ngày nữa về phía Nam đến phía Đông Lăng Sơn (mũi Đại Lãnh). Phía Tây Nam nơi này là các nước Đại Thục (Ả Rập), Phật Sư tử (Sri-Lanka), Thiên Trúc (Ấn Độ) không thể tính được hành trình*” (quyển 20, tờ 19a-19b).

Tác giả *Vũ Kinh tổng yếu* chép rõ hai ý khác nhau. Một là do thủ phủ quận Nam Hải thời đó (nay là thành phố Quảng Châu) đã trở thành một thương cảng, người nước ngoài (người Phiên) ở lẫn lộn với người Hán, nên vua Tống sai quân đến “*trấn giữ*” và cho đặt đồn thủy quân để “*tuần tra*”, bảo đảm an ninh cho nơi này. Tác giả phụ chép lộ trình đường biển từ cửa biển Quảng Châu sang Ấn Độ Dương.

Các học giả Trung Quốc đã ghép hai lý do đó với nhau để biến lộ trình đường biển thành tuyến “*tuần tra*” của thủy quân Trung Quốc và giải thích địa danh “*Cửu Nhữ Loa Châu*” trên tuyến đường này là “*quần đảo Tây Sa*” để từ đó nói rằng “*Trung Quốc đã phái thủy quân tuần tiễu quần đảo Tây Sa bắt đầu từ đời Tống*”⁵. Cách giải thích đó đưa đến hai điều phi lý:

- Nếu bảo lộ trình từ cửa biển Quảng Châu đi Ấn Độ Dương là đường “*tuần tiễu*” của thủy quân Trung Quốc, thì đoạn đường từ “*Cửu Nhữ Loa Châu*” sang Ấn Độ Dương cũng đều thuộc phạm vi “*tuần tiễu*” của thủy quân Trung Quốc và các nước “*Đại Thục*” (Ả Rập), “*Sư Tử*” (Sri-Lanka), “*Thiên Trúc*” (Ấn Độ) cũng đều trở thành lãnh thổ Trung Quốc cả sao?

Nếu bảo “*Cửu Nhữ Loa Châu*” là “*quần đảo Tây Sa*” thì theo lộ trình, từ đây đi ba ngày nữa về phía Tây Nam, nơi đến đâu có còn là “*Bất Lao Sơn*” (Cù Lao Chàm) mà sẽ là ven biển cực Nam Trung Bộ ngày nay. Bởi “*Tây Sa*” hầu như nằm trên cùng một vĩ tuyến với Cù Lao Chàm, theo hướng Đông Tây.

Gán ghép câu chữ, khoác địa danh nơi này cho nơi kia để sửa lại ý của người xưa, làm sai lạc sự thật lịch sử sao còn có giá trị là “*bằng chứng*” chứng minh chủ quyền?

Sự kiện viên tướng nhà Nguyên Sử Bất đi qua các đảo Nam Hải trên đường đi xuống Gia-Va năm 1293, theo cách nói của học giả Trung Quốc.

Kỳ thật, đây là cuộc hành quân của quân Nguyên đi đánh Gia-Va năm 1293, *Nguyên Sử* chép, Vua Nguyên (Hu-bi-lai) phán rằng: “*Yeheimishi (tên viên tướng Mông Cổ) thông thạo đường biển lo mọi việc về biển. Còn việc binh thì giao cho Sử Bất. Cho Bất giữ chức Phúc Kiến đẳng sứ Hành trung như tỉnh, Bình chương chính sự, thống lĩnh quân xuất chinh*” (quyển 17, tờ 61). *Nguyên Sử* cho biết “*Tháng 12 Bất*

⁵ Hàn Chấn Hoa, sách đã dẫn trang 7 và 38

mang 5000 quân, hội chư quân, xuất phát từ Tuyên Châu (cửa biển miền Nam Phúc Kiến), gió to sóng cả, thuyền chòng chành, quân sĩ mấy ngày không ăn được, qua Thất Châu Dương, Vạn Lý Thạch Đường, đến (hải) giới Giao Chỉ, Chiêm Thành (vùng biển ngoài khơi Quảng Nam-Đà Nẵng ngày nay). Tháng giêng năm sau (1923) đến đảo Đông Đông, Tây Đông, Ngư Kỳ Dữ, (vùng biển Cù lao Thù-Hòn Hải ngày nay) đi vào đại dương mênh mông, đóng quân tại các đảo Ganlanyn, Kalimata, Goulan (các đảo ngoài khơi Gia-Va) dẫn gỗ đóng xuống để đi vào (Gia-Va)...”. Nguyên sử còn cho biết sau cuộc chiến, khi trở về Bật đã bị hàng tướng Gia-Va “làm phản” Bật phải “chặn phía sau, vừa đánh vừa đi, 300 dặm mới lên được thuyền (loại thuyền lớn) đi 68 ngày mới về đến Tuyên Châu, quân sĩ chết 3000 người” và chính vì vậy Bật đã bị phạt “đánh 17 trượng, tịch thu một phần ba gia sản” (quyển 162, tờ 7a, 7b).

Cuộc hành quân xâm lược như thế sao có thể giải thích và hiểu là cuộc “tuần tiễu” của thủy quân đời Nguyên ở Nam Hải?

Sự kiện viên phó tướng Quảng Đông Ngô Thăng đi tuần khoảng năm 1710-1712 chép trong *Tuyên Châu phủ chí* (1780), cũng vậy.

Pủ chí chép rằng, sau khi nhậm chức ở Quỳnh Châu, Ngô Thăng đã có những cuộc tuần tiễu “từ Quỳnh Nhai qua Đồng Cổ, qua Thất Châu Dương, tứ Chanh Sa, vòng quanh 3000 dặm, đích thân đi tuần, địa phương yên ổn”. (quyển 56, tờ 43a-43b).

Căn cứ vào địa danh chép trên tuyến đường tuần tiễu thì cuộc tuần tiễu của Ngô Thăng chỉ diễn ra chung quanh đảo Hải Nam. Bởi “Quỳnh Nhai” là thủ phủ Phủ Quỳnh Châu, phía Bắc đảo; “Đồng Cổ” là dải núi (cao 339 mét) ở Mũi Đồng Cổ, Đông Nam đảo; “Tứ Canh Sa” là bãi cát phía Tây đảo.

Cuộc tuần tiễu chung quanh đảo Hải Nam sao có thể giải thích và hiểu là cuộc tuần tiễu quần đảo “Tây Sa”?

Ba là, về việc đo đạc thiên văn của Quách Thủ Kính năm 1279

Nguyên Sử chép Quách Thủ Kính tiến hành đo đạc thiên văn “bôn biên” năm 1279 theo lệnh của vua Nguyên (quyển 48 tờ 7a, 7b).

Các học giả Trung Quốc căn cứ vào số độ đo được ở “Nam Hải” (15° Bắc Cực, tương đương vĩ độ Bắc ngày nay) để giải thích rằng, điểm đo đạc thiên văn của Quách Thủ Kính ở “Nam Hải chính là trên quần đảo Tây Sa ngày nay để rồi coi đó là “hành động hành sử chủ quyền của chính phủ Trung Quốc” và “cương vực đời Nguyên bao gồm cả các đảo Nam Hải”⁶.

Nguyên Sử cũng cho biết, việc đo đạc thiên văn do Quách Thủ Kính tiến hành mang tính chất nghiên cứu khoa học, tìm hiểu vận động của vũ trụ (mặt trời, mặt trăng, các vì sao) để “làm lịch mới” (quyển 164, tờ 4b-5a).

⁶ Hàn Chấn Hoa, sách đã dẫn trang 9 và 47

Với tính chất như vậy và được tiến hành trên phạm vi rộng, vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ Trung Quốc thời đó, nên được chép là “*trắc nghiệm bốn biển*”. Từ ngữ “bốn biển” người Trung Quốc sử dụng với nghĩa như từ ngữ “thế giới” ngày nay. Cũng vì lẽ đó, người ta thấy 27 nơi tiến hành đo đạc, có cả “*Cao Ly*”, nay là Triều Tiên, “*Thiệt Lặc*”, vùng đất đến nay thuộc Sibia, Liên Bang Nga, “*Bắc Hải*”, nay là Bắc Băng Dương, “*Nam Hải*” nay là biển Nam **Trung Hoa**.

Nếu hiểu “*Nam Hải*” thời đó nằm trong “*cương vực đời Nguyên*”, thì Triều Tiên, Si-bia, Bắc Băng Dương cũng thuộc “*cương vực đời Nguyên*” cả sao? Biết rằng, *cương vực đời Nguyên* chép trong Nguyên Sử và thể hiện trên bản đồ đời Nguyên (Quảng dư đồ của Chu Tư Bản) phía Nam chỉ đến đảo Hải Nam, phía Bắc không quá sa mạc Gô-bi.

Bốn là, việc chính phủ Trung Quốc kháng nghị người Đức thăm dò “các đảo Nam Hải” năm 1883.

Các học giả Trung Quốc không đưa ra bất kỳ bằng chứng nào để chứng minh hành động này. Song, nhiều nguồn thông tin mà nay còn thấy cho biết công việc thăm dò, đo đạc của người Đức ở biển Nam Trung Hoa trong những năm 1881-1884 tiến hành thuận lợi và tài liệu thu được trong cuộc thăm dò đã được biên soạn thành sách.

Một bài báo đăng trên Tạp chí Phương Đông năm 1910 cho biết, hơn 10 năm trước tác giả đã có trong tay tập tài liệu điều tra biển Nam Hải của một người Đức, trong đó quần đảo “*Tây Sa*” được ghi chép tỉ mỉ mà ông ta đã dịch ra tiếng Trung Quốc. Ông nói, người Đức này đã đi từ Nam lên Bắc, từ Tây sang Đông đo đạc vùng biển này để lập bản đồ hàng hải⁷.

Theo Thảm Bằng Phi, trong báo cáo về cuộc điều tra quần đảo Tây Sa năm 1928, năm 1883 Chính phủ Đức tiến hành đo đạc quần đảo Paracels. Tài liệu thu thập được đã được E.D. Existence và P.W. Position biên soạn thành tài liệu năm 1884⁸.

Trong một tài liệu nghiên cứu về quần đảo Paracels của Phủ Toàn quyền Đông Dương năm 1921 ghi nhận rằng: “*Người Đức từ năm 1881 đến 1884 đã tiến hành nghiên cứu thủy học một cách kỹ lưỡng các đảo này*” và “*họ thường tiến hành ở hầu hết các vùng biển Trung Hoa (Hải Nam, Bắc Hải, Vi Châu) cho đến tận Áo Môn và Phúc Châu*”⁹.

⁷ Hàn Chân Hoa, sách đã dẫn, trang 133-136

⁸ *Trung Quốc Nam Hải chư đảo văn hiến vịnh biên chi bát*, Đài Loan học sinh thư cục, 1974, trang 22-33.

⁹ *Gouvernement General del'Indochine Airection des Affaires Politique et Indigenes-Note, 6 Mai 1921*, phụ lục tài liệu nghiên cứu của giáo sư Monique Chemillier Gendreau nhan đề *Aris juridique relatif au statut international des archipels de la mer de chine (Paracels-Spratlys) (1989)*.

Các nguồn tư liệu thông tin trên chứng minh người Đức đo đạc vẽ bản đồ các quần đảo ở Biển Đông không hề gặp bất kỳ cản trở nào và những công trình nghiên cứu, đo đạc của họ được hoàn tất và công bố.

Như vậy, câu chuyện Chính phủ Trung Quốc kháng nghị người Đức năm 1883 là điều rất đáng nghi ngờ (?). Dù việc này có thật cũng vô hiệu. Vì các quần đảo ở Biển Đông không hề được đặt dưới chủ quyền của Trung Quốc, Trung Quốc không có tư cách đưa ra bất kỳ lời kháng nghị nào.

Năm là, chính quyền địa phương Trung Quốc cứu giúp tàu thuyền nước ngoài lâm nạn

Về sự kiện này, các học giả Trung Quốc dẫn hai văn bản đời Càn Long năm thứ 20 (1755) và năm thứ 27 (1762) chép việc tàu thuyền nước ngoài bị đắm ở “Cửu Châu Dương (thuộc) Vạn Châu” và ở “Thất Châu Dương”, Chính phủ nhà Thanh lệnh cho quan chức địa phương chu cấp cho người sống sót về nước¹⁰.

Như trên đề cập, “Thất Châu Dương” là tên chỉ vùng biển kế cận đảo Hải Nam về phía Đông Nam và “Cửu Châu Dương” đã được tác giả bộ sách *Lịch Đại dư địa duýên cách hiểm yếu đồ* (1879) ghi chú là “Thất Châu Dương ngày nay”.

Điều đó nói lên, cả hai vụ đắm tàu đều xảy ra ở vùng biển kế cận đảo Hải Nam, không phải là “vùng quần đảo Tây Sa”.

Sáu là, các đảo Nam Hải được vẽ vào bản đồ Trung Quốc

Các học giả dẫn 9 bản đồ và chia làm hai loại. Một loại là “bản đồ Minh, Thanh” (tức bản đồ Trung Quốc) có vẽ các đảo Hải Nam. Một loại khác là “bản đồ Minh Thanh và các nước Phiên thuộc” (tức bản đồ Trung Quốc và các nước trong khu vực) có vẽ các đảo Nam Hải. Loại thứ nhất, các học giả Trung Quốc và các nước trong khu vực) có vẽ các đảo Nam Hải. Loại thứ nhất, các học giả Trung Quốc dẫn 2 bản đồ gồm *Thanh hội phủ, châu, huyện, sảnh tổng đồ* (1800), nói là trên đó có vẽ “Nam Áo Khí”, “*Vạn lý Trường Sa*”, “*Vạn lý Thạch Đường*”, “*Thất Dương Châu*” và giải thích 4 địa danh này là các quần đảo “Đông Sa”, “Trung Sa”, “Nam Sa” và “Tây Sa”; *Trực tỉnh hải dương tổng đồ trong Dương phòng tập yếu* (1838) nói là trên đó có vẽ “*Vạn Lý Trường Sa*” và giải thích từ ngữ đó chỉ chung các đảo Nam Hải; *Quảng Đông dương đồ cũng trong Dương phòng tập yếu*, nói là trên đó vẽ “*Cửu Nhũ Loa Châu*” và giải thích đó là quần đảo Tây Sa”.

¹⁰ Bộ sưu tập, trang 68-70

Loại thứ 2, tác giả dẫn 10 bản đồ bao gồm *Trịnh Hoà hàng hải đồ (1433)*; *Vũ bị bí thư địa lợi phụ đồ (1637)*; *Đại Thanh Trung ngoại thiên hạ toàn đồ (1709)*, *Thanh trực tỉnh phân đồ (1724)*, *Hoàng Thanh các trực tỉnh phân đồ (1755)*; *Đại Thanh vạn niên nhất thống thiên hạ toàn đồ (1767)*; *Đại Thanh vạn niên nhất thống toàn đồ (sau 1767)*; *Đại Thanh vạn niên nhất thống địa lý toàn đồ (1810)*; *Cổ Kim dư địa toàn đồ (1895)* và nói rằng các đảo Nam Hải đã được vẽ vào các bản đồ này¹¹.

Đối với loại bản đồ thứ nhất, người ta có thể đặt câu hỏi là liệu *Thanh hội, phủ, châu, huyện, sảnh tổng đồ* có vẽ các địa danh mà các học giả Trung Quốc đề cập hay không, vì những bản đồ có tiêu đề tương tự mà người ta thấy như *Hoàng triều phủ, sảnh, châu, huyện toàn đồ (1856)*, *Hoàng triều trực tỉnh, phủ, sảnh, châu, huyện toàn đồ (1862)* không thấy vẽ các địa danh nói trên. Dù bản đồ học giả Trung Quốc nói đến có vẽ các địa danh đó đi nữa cũng không có giá trị chứng minh chủ quyền. Bởi bản đồ này do học giả (Hiếu Phong) vẽ. Theo Luật pháp quốc tế, bản đồ nếu không được đính kèm theo một văn bản pháp lý sẽ không có giá trị chứng minh chủ quyền¹². Đó là chưa kể các địa danh người Trung Quốc xưa dùng để chỉ các quần đảo ở Biển Nam Trung Hoa đã bị giải thích một cách tùy tiện. Bãi ngầm lớn nằm giữa biển Nam Trung Hoa, Phương Tây gọi là *Maclessfield Bank* còn nằm sâu dưới mặt nước vài chục mét được giải thích là một “quần đảo” và gán cho nó cái tên “Vạn Lý Trường Sa”. “Thất Châu Dương” là vùng biển kế cận đảo Hải Nam về phía Đông Nam lại giải thích là “quần đảo Tây Sa”...

“*Vạn lý Trường Sa*” trên “*Trực tỉnh hải dương tổng đồ*” (*Dương phòng tập yếu*) cũng không thể giải thích là “lãnh thổ” Trung Quốc. Vì trên bản đồ này, ngoài “*Vạn Lý Trường Sa*” còn vẽ các nơi khác nhau như “*Vùng đất Hà Lan, Hồng Mao (Anh) đến buôn bán*” (đảo Boóc-nê-ô ngày nay), “*Tiểu Lưu Cầu*”, “*Đại Lưu Cầu*” (nay là quần đảo Ryu-kyu của Nhật Bản), “*Đôi Mã*” (nay là đảo Tsuma của Nhật Bản). Nếu “*Vạn Lý Trường Sa*” được giải thích là “lãnh thổ Trung Quốc” thì các vùng đất khác đề cập ở trên có là “lãnh thổ” Trung Quốc không?

“*Cửu Nhũ Loa Châu*” trên *Quảng Đông dương đồ (Dương phòng tập yếu)* thì đã rõ. Trên bản đồ này, ký hiệu “*Cửu Nhũ Loa Châu*” được vẽ là hình núi cao (3 chóp nón) như ký hiệu “*Lê Đầu Sơn*”, “*Nam Bành*” cạnh đó mà hai nơi này người ta đã tìm thấy trên bản đồ phòng thủ biển trong *Quảng Đông thông chí* của Nguyễn Nguyên (1822) là những đảo ven bờ.

Đối với bản đồ thuộc loại thứ 2 cũng đã rõ. Trên một bản đồ vẽ cả Trung Quốc và các nước trong khu vực mà học giả Trung Quốc gọi là “*Bản đồ Minh Thanh và các nước Phiên thuộc*” thì lấy gì làm chuẩn để phân biệt đâu là lãnh thổ Trung Quốc, đâu

¹¹ Hàn Chân Hoa, sách đã dẫn, trang 8-9, 84-89

¹² Max Huber, Sentence arbitrale rendue le 4 avril 1928, par Max Huber, entre les Etats-Unis et les Pays-Bas, dans le litige relatif a la souveraineté sur l'île de Palmas-RGDIP-Tome IX, 1935, trang 181.

không thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Nếu “Các đảo Nam Hải” vẽ trên bản đồ đó là “lãnh thổ” Trung Quốc thì các nước trong khu vực có là “lãnh thổ” Trung Quốc không? Biết rằng, các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa đã được các học giả Trung Quốc thời xưa gọi là “Trường Sa”, “Thạch Đường” và vẽ trên các bản đồ khu vực Đông Nam Á mang tiêu đề *Đông Nam Hải dư đồ* hay *Đông Nam Dương các quốc duyên cách đồ*”¹³

Điều không khỏi ngạc nhiên là có hàng loạt sách địa chí và bản đồ Trung Quốc, kể cả của quốc gia (nhà nước biên soạn) và thông thường (học giả biên soạn) lại không thấy các học giả Trung Quốc viện dẫn để chứng minh chủ quyền đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa.

Đơn giản là bởi các sách địa chí và bản đồ đó đều chép hoặc vẽ phần cực Nam lãnh thổ Trung Quốc là đảo Hải Nam, chứ không bao gồm bất kỳ quần đảo nào ở biển Nam Trung Hoa.

Sách địa chí chính thức có *Nguyên phong cửu vực chí* (Tống), *Đại Nguyên nhất thống chí* (1294), *Đại Minh nhất thống chí* (1461), *Đại Thanh nhất thống chí* (1842). Bản đồ chính thức có *Hoàng dư toàn lãm đồ* (*Hoàng Thanh nội phủ địa đồ*) (1761), *Hoàng dư toàn đồ* (*trong Khâm định Đại Thanh hội điển đồ*) (1894).

Sách địa chí thông thường (do học giả soạn) thường được nói đến là *Thái bình hoàn vũ ký* của Nhạc sử, *Dư địa kỷ thắng* của Vương Tượng Chi đời Tống, *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* của Cố Viên Vũ, *Độc sử phương dư kỷ yếu* của Cố Tổ Vũ đời Thanh.

Bản đồ thông thường có *Vũ tích đồ*, *Hoa Di đồ*, bản đồ Trung Quốc đời Tống khắc đá năm 1137 (phụ lục II) (Bảo tàng Tây An, Thiên Tây), *Địa lý đồ* bản đồ Trung Quốc đời Tống, khắc đá năm 1247 (Tô Châu, Giang Tô)¹⁴, *Dư địa đồ* của Chu Tư Bản đời Nguyên, trong *Quảng dư đồ* của La Hồng Tiên, (đời Minh), *Nguyên lộ, phủ, châu, huyện đồ* trong *Kim cổ dư địa đồ* của Ngô Quốc Phụ (1638), *Hoàng Minh đại thống nhất Tống đồ* trong *Hoàng Minh chức phương địa đồ* của Trần Tổ Thụ (1628-1634), *Hoàng triều phủ, sảnh, châu, huyện toàn đồ* của Trình Tổ Khánh (1856), *Đại Thanh trực tỉnh toàn đồ* (*khuyết danh*) (1862), *Hoàng Triều nhất thống dư địa toàn đồ* (*khuyết danh*) (1894), *Hoàng Triều trực tỉnh đồ* (1905, tái bản 1910), *Đại Thanh đế quốc toàn đồ* (1905, tái bản 1910) (Phụ lục II).

Trong đó bản đồ năm 1894 ghi rõ “*Cực Nam*” lãnh thổ Trung Quốc là “*Nhai Châu, phủ Quỳnh Châu, Quảng Đông, điểm Bắc Cực 18 độ 13 phút*”.

¹³ Trong *Quảng Dư đồ* (1562), *Cổ kim đồ thư biên* (1585) *Vũ bị chí* (1628), *Hoàng Minh chức phương địa đồ* (1635), *Địa đồ tổng yếu* (1643) *Độc phương dư kỷ yếu* (1678), *Hải quốc đồ chí* (1842), *Dương phòng tập yếu* (1847).

¹⁴ Vương Dung, *Trung Quốc địa lý sử cương*, Bắc Kinh, 1958, phần bản đồ.

Sự thật là như vậy. Một vùng đất mà không được chép trong sách địa chí và thể hiện trên bản đồ từ đời Tống (960-1279) đến đời Thanh (1616-1911), kể cả chính thức và không chính thức, sao có thể là “lãnh thổ” Trung Quốc?

Các quần đảo ở Biển Nam Trung Hoa không được phép trong sách địa chí và thể hiện trên bản đồ Trung Quốc, nguyên do cũng dễ hiểu. Bởi như phần trên đã đề cập, các triều đại Phong kiến Trung Quốc, cho đến trước năm 1909 không có bất kỳ đòi hỏi nào về chủ quyền đối với các đảo Nam Hải và không có bất kỳ hành động nào nhằm thể hiện quyền lực của mình đối với các quần đảo này.

Theo luật pháp Quốc tế, để có một bộ phận lãnh thổ được coi là thuộc một quốc gia nào đó, điều kiện pháp lý cần thiết là lãnh thổ đó phải được đặt dưới chủ quyền quốc gia đó và giới hạn về lãnh thổ cần được xác định bằng việc mà quyền lực của Nhà nước được thực hiện trong giới hạn đó¹⁵ ...

Thật vậy, cho đến khi Trung Quốc đưa ra yêu sách đối với các quần đảo ở Biển Nam Trung Hoa vào nửa đầu thế kỷ XX các quần đảo này chưa bao giờ được đặt dưới chủ quyền của Trung Quốc và quyền lực của Nhà nước Trung Quốc chưa bao giờ được thực hiện trên các quần đảo này.

Song vì sao, ngày nay Trung Quốc khẳng định nói rằng các quần đảo ở Biển Nam Trung Hoa là lãnh thổ từ ngàn xưa? Vấn đề là ở chỗ các học giả Trung Quốc đã đưa ra những thông tin sai lạc như được đề cập trong bài viết này. Những thông tin sai lạc đó, trên thực tế đã là cho dư luận trong và ngoài Trung Quốc hiểu sai về vấn đề chủ quyền của Trung Quốc đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa. Nếu như người Trung Quốc hiểu rõ về lịch sử, hiểu rằng chỉ từ nửa đầu thế kỷ XX, nhà chức trách Trung Quốc mới đưa ra yêu sách về lãnh thổ đối với các quần đảo ở vùng biển này thì cách xử sự của họ có thể sẽ khác nếu như chuẩn tắc trong quan hệ quốc tế được tôn trọng .

Trình bày rõ sự thật về tài liệu lịch sử của Trung Quốc liên quan đến biển Nam Trung Hoa trong bài viết này, tác giả hy vọng có thể cung cấp cho bạn đọc những nguồn thông tin chân thực trong việc tìm hiểu luận thuyết của các học giả Trung Quốc đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa liệu có phù hợp với sự thật lịch sử, có sức thuyết phục và đứng vững được, hay không.

¹⁵ Max Huber, tài liệu đã dẫn, trang 163, 164.

PHỤ LỤC I: DANH MỤC SÁCH VÀ BẢN ĐỒ TRUNG QUỐC
LIÊN QUAN ĐẾN BIỂN NAM TRUNG HOA

TT	TÊN SÁCH	NIÊN ĐẠI
I	CHÍNH SỰ	
1	Tiền Hán Thư	76-84
2	Đường Thư	1060
3	Thông Điển	Thế kỷ 4
4	Tổng Sử	1343
5	Tổng Hội Yên	Tổng
6	Tư Trị Thông Giám	Tổng
7	Nguyên Sử	1368-1398
8	Minh Sử	Thanh
9	Khâm Định Đại Thanh Hội Điển	Thanh
10	Đại Thanh Hội Điển Sự Lệ	Thanh
11	Đại Thanh Văn Hiến Thông Khảo	1855
12	Hoàng Triều Thông Điển	1767
13	Hoàng Triều Thông Chí	1767
14	Hoàng Triều Thông Giám Tập Lãm	Thanh
II	ĐỊA CHÍ QUỐC GIA	
15	Nguyên Phong Cứu Vực Chí	1078-1085
16	Đại Nguyên Nhất Thống Chí	1294
17	Đại Minh Nhất Thống Chí	1461
18	Đại Thanh Nhất Thống Chí	1822
19	Quảng Đông Thông Chí (Hách)	1731
20	Quảng Đông Thông Chí (Nguyễn)	1822
21	Quyển Châu Phủ Chí	1844
22	Vạn Châu Chí	Thanh
23	Tuyền Châu Phủ Chí	1870
III	ĐỊA CHÍ THÔNG THƯỜNG	
24	Thái Bình Ngự Lãm	980
25	Thái Bình Hoàn Vũ Ký	Tổng
26	Thái Bình Quảng Ký	Tổng
27	Dư Địa Kỷ Thắng	1221
28	Dư Địa Quảng Ký	Tổng
29	Mộng Lương Lục	1274
30	Cổ Kim Đồ Thư Biên	Minh
31	Hải Sai Dư Lục	1568
32	Thiên Hạ Quận Quốc Lợi Bệnh Thư	1621-1682
33	Độc Sử Phương Dư Kỳ Yếu	1678
34	Quảng Dư Ký	1686
35	Quảng Đông Tân Ngữ	1700

36	Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành	1762
37	Phương Dư Loại Toán	1808
38	Phương Dư Toàn Đồ Tổng Thuyết	
39	Hoàng Triều Dữ Địa Lược	1834
40	Quảng Đông Hải Đồ Thuyết	1889
41	Càn Long Phủ Sảnh Châu Huyện Đồ Chí	1897
42	Hoàng Triều Trực Tỉnh Phủ Châu Huyện Ca Quát	1898
43	Quảng Đông Đồ Thuyết	
44	Trung Quốc Địa Lý Học Giáo Khoa Thư	1906
45	Đại Thanh Nhất Thống Dư Đồ Hải Đạo Tập Thích	1909
IV	BẢN ĐỒ QUỐC GIA	
46	Hoàng Dư Toàn Lãm Đồ (Nội Phủ Địa Đồ)	1761
47	Hoàng Dư Toàn Đồ (Phụ Đồ Trong Khâm Định Đại Thanh Hội Biển Đồ)	1876
V	BẢN ĐỒ THÔNG THƯỜNG	
48	Vũ Tích Đồ	1137
49	Hoa Di Đồ	1137
50	Địa Lý Đồ	1247
51	Quảng Dư Đồ	1561
52	Đại Minh Địa Lý Chi Đồ	
53	Lịch Đại Địa Lý Chỉ Chương Đồ	1635
54	Hoàng Minh Chức Phương Địa Đồ	1638
55	Kim Cổ Dư Địa Đồ	1643
56	Địa Đồ Tổng Yếu	1785
57	Đại Thanh Quảng Dư Đồ	1818
58	Đại Thanh Nhất Thống Thiên Hạ Toàn Đồ	1820
59	Đại Thanh Vạn Quý Nhất Thống Địa Lý Toàn Đồ	1856
60	Hoàng Triều Phủ Sảnh Châu Huyện Toàn Đồ	1862
61	Đại Thanh Trực Tỉnh Toàn Đồ	1863
62	Đại Thanh Nhất Thống Dư Đồ	1866
63	Quảng Đông Đồ	1879
64	Lịch Đại Địa Dư Duyên Cách Hiểm Yếu Đồ	1894
65	Hoàng Triều Nhất Thống Dư Địa Toàn Đồ	1897
66	Quảng Đông Dư Địa Toàn Đồ	1905
67	Hoàng Triều Trực Tỉnh Đồ	1905
68	Đại Thanh Đê Quốc Toàn Đồ	1911
69	Trung Quốc Toàn Đồ	
VI	SÁCH VIẾT VỀ PHÒNG THỦ BIÊN	
70	Vũ Kinh Tổng Yếu	1044
71	Vạn Lý Hải Phòng Đồ Luận	1561
72	Trù Hải Đồ Biên	1562
73	Hải Phòng Đồ Luận	Minh

74	Hải Phòng Biên	Thanh
75	Hải Phòng Kỷ Lược	Thanh
76	Hải Phòng Tổng Thuyết	Thanh
77	Hải Phòng Hình Thế Khảo	Thanh
78	Dương Phòng Tập Yếu	1838
79	Quảng Đông Hải Phòng Hội Lãm	Thanh
VII	SÁCH VIẾT VỀ NƯỚC NGOÀI	
80	Nam Châu Dị Vật Chí	Hán
81	Phù Nam Truyện	Tam Quốc
82	Pháp Huyện Truyện	Tấn
83	Lĩnh Ngoại Đại Đáp	1178
84	Chư Phiên Chí	1225
85	Chân Lạp Phong Thổ Kỳ	Nguyễn
86	Đảo Di Chí Lược	1349
87	Tinh Sai Thăng Lãm	1416
88	Doanh Nhai Thăng Lãm	1416
89	Hải Ngữ	1520
90	Thù Vực Châu Tư Lược	Minh
91	Hải Quốc Văn Kiến Lược	1730
92	Hải Quốc Đồ Chí	1820
93	Hải Ngoại Phiên Di Lược	1843
94	Doanh Hoàn Chí Lược	1848
95	Doanh Hoàn Toàn Chí	Thanh
96	Sử Tây Kỳ Trình	1876
97	Quốc Triều Nhu Viễn Ký	1880
VIII	SÁCH VIẾT VỀ ĐƯỜNG BIÊN	
98	Đông Tây Dương Khảo	1618
99	Vũ Bị Chí	1621
100	Thuận Phong Tương Tổng	Thế kỷ 15
101	Chỉ Nam Chính Pháp	1635
102	Hải Đạo Biên	Thanh
IX	SÁCH BẢN ĐỒ LIÊN QUAN THỜI TRUNG HOA DÂN QUỐC	
103	Trung Quốc Tân Dư Đồ	1913
104	Trung Hoa Dân Quốc Tân Khu Vực Đồ	1915
105	Trung Quốc Địa Lý Duyệt Cách Đồ	1922
106	Trung Quốc Hình Thế Đồ Lãm	1924
107	Điều Tra Tây Sa Báo Cáo Thư	1928
108	Trung Quốc Kim Nhật Chi Biên Cương Vấn Đề	1933
109	Trung Quốc Tích Loại Phân Tỉnh Đồ	1934
110	Trung Quốc Phân Tỉnh Tân Đồ	1939
111	Nam Hải Chư Đảo Địa Lý Chí Lược	1947

